

**QUY TẮC BẢO HIỂM HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN
TRONG LÃNH THỔ VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2445 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của
Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam)*

**CHƯƠNG I
NGUYÊN TẮC CHUNG**

Điều 1: Quy tắc này áp dụng cho việc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy thuộc phạm vi lãnh thổ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Điều 2: Quy tắc này còn được vận dụng khi có thỏa thuận riêng trong Hợp đồng bảo hiểm, cho việc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển từ Việt Nam đi các nước lân cận và vận chuyển hàng hóa từ nước ngoài về được phép quá cảnh qua Việt Nam để sang các nước lân cận bằng các phương tiện vận tải nói trên.

**CHƯƠNG II
PHẠM VI BẢO HIỂM**

Điều 3: Trừ những trường hợp loại trừ quy định tại Chương III dưới đây, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (gọi tắt là VBI) chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hóa được bảo hiểm do hậu quả trực tiếp của một trong những nguyên nhân sau đây:

1. Cháy hoặc nổ;
2. Động đất, bão lụt, sóng thần và sét đánh;
3. Phương tiện vận chuyển bị đắm, bị lật đổ, bị rơi, bị trật bánh, mắc cạn, đâm va nhau hoặc đâm va vào vật thể khác;
4. Cây gãy đổ, cầu cống, đường hầm và các công trình kiến trúc khác bị sập đổ;
5. Phương tiện chở hàng mất tích;
6. Hy sinh tổn thất chung.

Điều 4: Trường hợp xảy ra tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của Hợp đồng bảo hiểm như những nguyên nhân nói trên, VBI cũng chịu trách nhiệm đối với những chi phí sau đây:

1. Những chi phí hợp lý do Người được bảo hiểm, người làm công hay đại lý của họ đã chi ra nhằm phòng tránh hoặc giảm nhẹ tổn thất cho hàng hóa được bảo hiểm;
2. Những chi phí hợp lý cho việc dỡ hàng, lưu kho và gửi tiếp hàng hóa được bảo hiểm tại một nơi dọc đường đi do hậu quả của rủi ro thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm;
3. Những chi phí hợp lý cho việc giám định và xác định tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
4. Những chi phí tổn thất chung và chi phí cứu hộ. *B*

CHƯƠNG III LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Điều 5:

5.1. Trừ khi có thỏa thuận khác, VBI sẽ không chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng hay chi phí, phí tổn gây ra bởi:

1. Chiến tranh, đình công, nội chiến, cách mạng, khởi nghĩa, phản loạn hoặc quần chúng nổi dậy, cướp, mìn, thủy lôi, bom hoặc các dụng cụ chiến tranh khác.

2. Hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của phóng xạ hay nhiễm phóng xạ phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ một loại vũ khí chiến tranh gì có sử dụng năng lượng nguyên tử, hạt nhân và/hoặc phản ứng hạt nhân, phóng xạ hoặc tương tự.

3. Hành vi sai phạm có chủ ý hay hành vi phạm pháp của Người được bảo hiểm hay người làm công cho họ;

4. Những mất mát, hư hỏng hay chi phí do khuyết tật vốn có hoặc do tính chất đặc thù của loại hàng hóa được bảo hiểm;

5. Đóng gói sai quy cách, bao bì không thích hợp hoặc hàng bị hỏng từ trước khi xếp lên phương tiện vận chuyển;

6. Rò chảy thông thường, hao hụt trọng lượng hay giảm thể tích thông thường của hàng hóa được bảo hiểm trong quá trình vận chuyển;

7. Những mất mát, hư hỏng hay chi phí có nguyên nhân trực tiếp do chậm trễ, dù chậm trễ đó do một rủi ro đã được bảo hiểm;

8. Hàng hóa bị tổn thất trước khi cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm;

9. Hàng hóa chờ quá địa điểm kết thúc hành trình ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm;

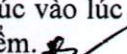
5.2. VBI sẽ từ chối bồi thường trong mọi trường hợp sau:

1. Xếp hàng quá tải hoặc sai quy cách an toàn về xếp hàng hóa;

2. Phương tiện vận chuyển không đủ khả năng lưu hành, không đảm bảo an toàn giao thông;

3. Khi Người được bảo hiểm không trả phí đầy đủ trước khi tổn thất xảy ra (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản).

CHƯƠNG IV BẮT ĐẦU VÀ KẾT THÚC TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

Điều 6: Trừ những trường hợp loại trừ đã quy định tại Điều 5 trên đây, trách nhiệm bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực từ khi hàng hóa được bảo hiểm được xếp lên phương tiện chuyên chở tại địa điểm xuất phát ghi trong Hợp đồng bảo hiểm để bắt đầu vận chuyển, tiếp tục có hiệu lực trong suốt quá trình vận chuyển bình thường và kết thúc vào lúc hàng hóa được dỡ khỏi phương tiện chuyên chở tại nơi đến ghi trong Hợp đồng bảo hiểm. 

Điều 7: Trong quá trình vận chuyển nói trên nếu vì những sự cố nêu ở Điều 3 mà hàng hóa bắt buộc phải chuyển tải hoặc thay đổi hành trình thì bảo hiểm này vẫn giữ nguyên hiệu lực với điều kiện Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho VBI biết về việc xảy ra hoặc thay đổi đó và phải trả thêm phí bảo hiểm theo thỏa thuận.

CHƯƠNG V THỦ TỤC BẢO HIỂM, SỐ TIỀN BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ BẢO HIỂM

Điều 8:

1. Khi có nhu cầu bảo hiểm, người yêu cầu bảo hiểm phải làm Giấy yêu cầu bảo hiểm trong đó ghi rõ:

- (a) Tên Người được bảo hiểm;
- (b) Tên hàng hóa, loại bao bì, cách đóng gói và ký mã hiệu của hàng hóa được bảo hiểm;
- (c) Trọng lượng, số lượng hàng hóa và giá trị hàng hóa được bảo hiểm;
- (d) Hành trình vận chuyển (nơi đi - nơi đến và nơi chuyển tải nếu có);
- (e) Tên chủ phương tiện, loại phương tiện và số đăng ký của các phương tiện vận chuyển đó;
- (f) Ngày, tháng phương tiện vận chuyển khởi hành và dự kiến ngày đến;

2. VBI sẽ căn cứ vào Giấy yêu cầu bảo hiểm để cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm.

3. Người được bảo hiểm phải thanh toán phí bảo hiểm cho VBI ngay khi nhận được Giấy chứng nhận bảo hiểm, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản. Bảo hiểm chỉ có hiệu lực khi Người được bảo hiểm đã thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn.

4. Nếu sau khi Hợp đồng bảo hiểm được ký kết mà có bất kỳ thay đổi nào về những thông tin đã cung cấp liên quan đến lô hàng được bảo hiểm thì Người được bảo hiểm có trách nhiệm thông báo cho VBI ngay khi họ được biết sự thay đổi đó.

Khi nhận được thông báo này, VBI sẽ cấp Giấy sửa đổi bổ sung và có thể yêu cầu Người được bảo hiểm trả thêm phí bảo hiểm.

Điều 9: Nếu Người được bảo hiểm khai báo sai hoặc giấu giếm những điểm đề ra trong Giấy yêu cầu bảo hiểm hay về những sự việc thay đổi hay sự kiện đã thông báo cho VBI thì VBI được miễn trách nhiệm theo Hợp đồng bảo hiểm mà vẫn có quyền nhận phí bảo hiểm.

Điều 10: Giấy chứng nhận bảo hiểm có thể được chuyển nhượng cho một người khác bằng sửa đổi bổ sung của VBI cấp cho Người được bảo hiểm hay đại diện có thẩm quyền của họ.

Điều 11: Số tiền bảo hiểm của hàng hóa được bảo hiểm là giá trị của hàng hóa do Người được bảo hiểm kê khai phù hợp với giá thị trường và được VBI chấp nhận.

Nếu Người được bảo hiểm không khai báo số tiền bảo hiểm thì có thể áp dụng cách tính giá trị bảo hiểm như sau: Giá trị bảo hiểm bao gồm giá tiền hàng ghi trên hóa đơn cộng cước phí vận chuyển và phí bảo hiểm.

CHƯƠNG VI NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM KHI XẢY RA TỶN THẤT

Điều 12: Trường hợp xảy ra mất mát, hư hỏng hay thiệt hại cho hàng hóa thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm như trong Điều 3 Quy tắc này, Người được bảo hiểm hay người làm công cho họ hoặc đại diện của họ phải:

1. Khai báo ngay sự cố với cơ quan chức năng địa phương để xử lý và lập biên bản theo luật lệ hiện hành.
2. Thông báo ngay cho VBI hay đại diện của VBI tại địa phương gần nhất đến giám định trong thời gian sớm nhất.
3. Phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để cứu chữa và bảo quản hàng hóa nhằm hạn chế tổn thất.
4. Làm các thủ tục cần thiết để bảo lưu quyền đòi bồi thường đối với người chuyên chở hay người thứ ba khác có trách nhiệm đối với tổn thất, mất mát hàng hóa trong tai nạn ấy.

VBI có quyền từ chối giải quyết bồi thường một phần hay toàn bộ tổn thất nếu Người được bảo hiểm không thi hành đầy đủ những nghĩa vụ trên.

Điều 13: Đòi bồi thường, người khiếu nại phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với đối tượng bảo hiểm vào thời gian xảy ra tổn thất và đã thực sự chịu tổn thất thực tế đó.

Khi khiếu nại VBI về những mất mát, hư hỏng hay thiệt hại thuộc trách nhiệm Hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm cần nộp đủ những giấy tờ sau:

1. Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm;
2. Bản chính hợp đồng vận chuyển, giấy vận chuyển hàng hóa do chủ phương tiện cấp;
3. Hóa đơn bán hàng kèm theo bản kê chi tiết hàng hóa, phiếu ghi trọng lượng và số lượng hàng hóa;
4. Biên bản giám định hàng tổn thất do VBI hoặc công ty giám định do VBI chỉ định cấp ghi rõ mức độ tổn thất;
5. Biên bản điều tra tai nạn của cơ quan chức trách địa phương;
6. Thư từ văn bản giao dịch giữa Người được bảo hiểm và người chuyên chở hay người thứ ba khác về trách nhiệm đối với tổn thất do họ gây ra;
7. Thư yêu cầu bồi thường.
8. Ngoài ra tùy từng trường hợp cụ thể, để rõ hơn về nguyên nhân và mức độ tổn thất, VBI có thể yêu cầu cung cấp thêm một số tài liệu khác có liên quan.

CHƯƠNG VII XÁC ĐỊNH TỔN THẤT

Điều 14:

1. Tổn thất toàn bộ nói trong quy tắc này bao gồm tổn thất toàn bộ ước tính và tổn thất toàn bộ thực tế.

a. Khi xảy ra mất mát, hư hỏng hay thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm của Hợp đồng bảo hiểm, nếu hàng hóa được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn hay bị hư hỏng nghiêm trọng tới mức không còn là vật phẩm với tính chất ban đầu của nó hoặc Người được bảo hiểm bị mất hẳn quyền sở hữu hàng hóa thì được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.

b. Khi hàng hóa được bảo hiểm bị mất mát hay thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm của Hợp đồng bảo hiểm, nếu xét thấy không tránh khỏi tổn thất toàn bộ thực tế hoặc do các chi phí cứu hàng, chi phí xử lý và gửi hàng đến nơi nhận ghi trong Hợp đồng bảo hiểm có thể vượt quá giá trị hàng khi tới nơi nhận đó thì được coi là tổn thất toàn bộ ước tính.

2. Bất kỳ trường hợp mất mát hay thiệt hại nào không thuộc loại tổn thất đã nói ở khoản 1 của Điều này đều được coi là tổn thất bộ phận.

Điều 15: Nếu phương tiện chở hàng bị mất tích thì hàng hóa được bảo hiểm sẽ được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.

Phương tiện vận chuyển hàng được coi là mất tích khi không tới được nơi đến ghi trong Hợp đồng bảo hiểm và cũng không có tin tức gì về phương tiện đó. Thời gian cần thiết để xác định việc phương tiện chuyên chở bị mất tích không ít hơn 03 (ba) tháng kể từ ngày dự tính phương tiện chuyên chở đến nơi ghi trong Hợp đồng bảo hiểm.

CHƯƠNG VIII CÁCH TÍNH VÀ THANH TOÁN BỒI THƯỜNG

Điều 16: Khi hàng hóa được bảo hiểm bị tổn thất bộ phận thì số tiền bồi thường sẽ được tính trên cơ sở mức độ tổn thất nhân với số tiền bảo hiểm. Mức độ tổn thất sẽ được xác định bằng cách lấy số chênh lệch giữa giá trị hàng khi hàng còn nguyên vẹn và khi đã bị tổn thất tại nơi dỡ hàng chia cho giá trị hàng khi hàng còn nguyên vẹn tại nơi dỡ hàng ghi trên Hợp đồng bảo hiểm.

Điều 17: Trách nhiệm của VBI chỉ giới hạn ở số tiền bảo hiểm.

Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa thấp hơn giá trị bảo hiểm thì VBI chỉ bồi thường những mất mát, hư hỏng hay thiệt hại và các chi phí như đã quy định ở Điều 3 và 4 Chương II theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm.

Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa cao hơn giá trị bảo hiểm thì phần cao hơn đó không được thừa nhận.

Điều 18: Trong trường hợp VBI chấp nhận bồi thường tổn thất toàn bộ số tiền bảo hiểm thì VBI có quyền được miễn mọi trách nhiệm qui định trong Hợp đồng bảo hiểm bằng cách khước từ quyền lợi về hàng hóa bảo hiểm và quyền khiếu nại người thứ ba.


Điều 19: Trong trường hợp Người được bảo hiểm phải tuân thủ ý kiến của VBI để thực hiện các biện pháp để phòng ngừa tổn thất thì VBI phải thanh toán cho Người được bảo hiểm những chi phí hợp lý và cần thiết khi áp dụng biện pháp này dù cho tổng số tiền của các chi phí này cùng với số tiền bồi thường cho tổn thất có thể vượt quá số tiền bảo hiểm.

Điều 20:

1. Sau khi kiểm tra và xác định hồ sơ khiếu nại của Người được bảo hiểm là hợp lệ và tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm, VBI sẽ thanh toán bồi thường cho Người được Bảo hiểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khiếu nại hợp lệ.

(a) Trường hợp hồ sơ khiếu nại gửi đến chưa hợp lệ hoặc cần xác minh thêm hoặc tổn thất không thuộc trách nhiệm bảo hiểm thì VBI phải thông báo bằng văn bản cho Người được bảo hiểm biết trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khiếu nại.

(b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo bồi thường hoặc giấy từ chối bồi thường mà Người được bảo hiểm không có ý kiến gì bằng văn bản thì vụ khiếu nại đó coi như đã kết thúc.

2. Khi thanh toán tiền bồi thường, VBI có thể khấu trừ vào tiền bồi thường các khoản thu của Người được bảo hiểm trong việc bán hàng hóa cứu vớt và đòi người thứ ba. 

3. Trường hợp phương tiện vận chuyển bị mất tích, hàng hóa đã được coi là tổn thất toàn bộ hoặc hàng bị mất mà sau khi đã bồi thường lại tìm thấy hàng và hàng không bị hư hỏng thì số hàng đó sẽ thuộc quyền sở hữu của VBI và xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX CHUYỂN QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG VÀ VIỆC TỪ BỎ HÀNG HÓA

Điều 21:

1. Sau khi thanh toán bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm, mọi khoản khiếu nại và quyền khiếu nại của Người được bảo hiểm đối với người thứ ba phải được chuyển cho VBI mà giới hạn là số tiền đã bồi thường.

Ngay khi nhận được tiền bồi thường, Người được bảo hiểm có trách nhiệm chuyển cho VBI quyền đòi người thứ ba bồi thường và các chứng từ cần thiết liên quan đến việc đó.

2. Nếu Người được bảo hiểm bỏ qua quyền đòi người thứ ba, hoặc nếu do lỗi của họ mà không thể thực hiện được quyền này (như hết hạn gửi thư khiếu nại người chịu trách nhiệm về tổn thất v.v...) thì VBI sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường với một mức độ thích hợp và nếu việc bồi thường của bảo hiểm đã được giải quyết thì Người được bảo hiểm có nghĩa vụ hoàn lại cho VBI một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường mà họ đã nhận được, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 22: Sau khi bồi thường một vụ tổn thất toàn bộ (có thể bồi thường tất cả hoặc nguyên một phần hàng được bảo hiểm) VBI còn có quyền thu hồi những gì còn lại của phần hàng hóa đã được bồi thường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 23:

1. Trường hợp Người được bảo hiểm khiếu nại tổn thất toàn bộ ước tính cho hàng hóa được bảo hiểm thì Người được bảo hiểm phải gửi thông báo từ bỏ hàng cho VBI. Nếu không thực hiện theo quy định này thì tổn thất chỉ được giải quyết theo hình thức bồi thường tổn thất bộ phận.

2. Thông báo từ bỏ hàng phải làm bằng văn bản mà trong mọi trường hợp phải nêu rõ ý định của Người được bảo hiểm là từ bỏ không điều kiện mọi quyền lợi về hàng hóa được bảo hiểm cho VBI.

3. Trường hợp thông báo từ bỏ hàng được gửi theo đúng quy định thì quyền khiếu nại của Người được bảo hiểm không bị phương hại bởi việc VBI từ chối chấp nhận từ bỏ hàng. Khi thông báo từ bỏ hàng đã được chấp nhận thì việc từ bỏ hàng không còn thay đổi khác được.

CHƯƠNG X THỜI HIỆU KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP

Điều 24: Quyền đòi bồi thường của Người được bảo hiểm sẽ hết hiệu lực sau 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng bảo hiểm là 03 (ba) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

Điều 25: Bất kỳ tranh chấp nào có liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm nếu không giải quyết được bằng hình thức thương lượng giữa Người được bảo hiểm và VBI thì sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.